|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM**  **TRƯỜNG THCS KIM LAN**  *(Đề thi có 4 trang)* | **ĐỀ THI THỬ THPT MÔN HÓA HỌC 9**  *Thời gian làm bài 60 phút*  **Đề số 2** |

***Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:***

***H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; Si = 28; S = 32; Cl = 35,5;***

***K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.***

**Lựa chọn đáp án đúng nhất trong các câu hỏi dưới đây.**

**Câu 1.** Cách nào sau đây là phù hợp khi pha loãng H2SO4 đặc:

1. Cho từ từ H2SO4 đặc vào nước và khuấy nhẹ.
2. Cho từ từ nước vào H2SO4 đặc và khuấy nhẹ.
3. Đổ thật nhanh H2SO4 đặc vào nước.
4. Đổ thật nhanh nước vào H2SO4 đặc.

**Câu 2.** Kim loại có những tính chất vật lí chung nào sau đây:

**A.** Tính dẫn điện, dẫn nhiệt. **B.** Tính dẻo, dẫn nhiệt, ánh kim.

**C.** Tính dẫn nhiệt, ánh kim. **D.** Tính dèo, dẫn điện, dẫn nhiệt, ánh kim.

**Câu 3.** Công thức hoá học của sắt (III) hiđroxit là:

**A.** Fe(OH)2. **B.** Fe(OH)3. **C.** FeSO4. **D.** Fe2O3

**Câu 4.** Ở điều kiện thường, phi kim có thể tồn tại ở trạng thái:

**A.** Lỏng và khí. **B.** Rắn và lỏng. **C.** Rắn và khí. **D.** Rắn, lỏng, khí.

**Câu 5.** Dãy gồm các kim loại đều tác dụng được với dung dịch HC1 là

**A.** Al, Cu, Zn, Fe. **B.** Al, Fe, Mg, Ag.

**C.** Al, Fe, Mg, Zn. **D.** Mg, Fe, Zn, Cu.

**Câu 6.** Công thức cấu tạo của axit axetic (C2H4O2) là:

**A.** O = CH – O – CH3.

 **D.** CH2 – O – O – CH2.

**Câu 7.**  Metan tham gia phản ứng thế với clo khi có ánh sáng khếch tán là do:

**A.** Trong phân tử metan chỉ có liên kết đơn.

**B.** Trong phân tử metan chỉ có liên kết đôi.

**C.** Trong phân tử metan chỉ có liên kết ba.

**D.** Trong phân tử metan chỉ có nguyên tử C và nguyên tử H.

**Câu 8.**

-CH2 –CH -

Cl

n

Poli(vinyl clorua) có phân tử khối là 35000 đvC. Hệ số trùng hợp n của polime này là:

**A.** 460. **B.** 560. **C.** 506. **D.** 600.

**Câu 9.** Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học được sắp xếp theo nguyên tắc:

**A.** nguyên tử khối tăng dần. **B.** tính kim loại tăng dần.

**C.** điện tích hạt nhân tăng dần. **D.** tính phi kim tăng dần.

**Câu 10.** Độ rượu là:

**A.** Số ml rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

**B.** Số ml nước có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

**C.** Số gam rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.

**D.** Số gam nước có trong 100 gam hỗn hợp rượu với nước.

**Câu 11.** Sự ăn mòn kim loại là hiện tượng:

**A.** Hiện tượng vật lí.

**B.** không là hiện tượng hoá học, không là hiện tượng vật lí.

**C.** Hiện tượng hoá học.

**D.** vừa là hiện tượng vật lí, vừa là hiện tượng hoá học.

**Câu 12.** Chất khí nào sau đây có thể gây chết người vì ngăn cản sự vận chuyển oxi trong máu.

**A.** CO. **B.** CO2. **C.** SO2. **D.** NO.

**Câu 13.** Chất nào sau đây **không** phải là chất béo?

**A.** (C17H35COO)3C3H5. **B.** (C15H31COO)3C3H5.

**C.** (C17H33COO)3C3H5. **D.** (CH3COO)3C3H5.

**Câu 14.** Câu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Dựa vào trạng thái, người ta chia nhiên liệu thành 3 loại: rắn, lỏng, khí.

**B.** Nhiên liệu rắn gồm than mỏ, gỗ ...

**C.** Nhiên liệu lỏng gồm các sản phẩm chế biến từ dầu mỏ (xăng, dầu hỏa ..).

**D.** Nhiên liệu khí được dùng chủ yếu cho động cơ đốt trong..

**Câu 15.** Công nghiệp silicat là công nghiệp sản xuất:

**A.** Đá vôi, đất sét, thủy tinh. **B.** Đồ gốm, thủy tinh, xi măng.

**C.** Hiđrocacbon, thạch anh, thủy tinh. **D.** Thạch anh, đất sét, đồ gốm.

**Câu 16.** Oxit lưỡng tính là:

**A.** Những oxit tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước.

**B.** Những oxit tác dụng với dung dịch bazơ và dung dịch axit tạo thành muối và nước.

**C.** Những oxit tác dụng với dung dịch bazơ tạo thành muối và nước.

**D.** Những oxit chỉ tác dụng được với muối.

**Câu 17.**  Điều khẳng định nào sau đây là **không đúng**?

**A.** Chất hữu cơ nào cũng chứa nguyên tố cacbon.

**B.** Chất hữu cơ nào cũng chứa nguyên tố oxi.

**C.** Mỗi chất chỉ có một công thức cấu tạo.

**D.** Công thức cấu tạo cho ta biết thành phần nguyên tử và trật tự liên kết các nguyên tử trong phân tử.

**Câu 18.** Các kim loại tác dụng được với nước ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch kiềm và giải phóng khí hidro:

**A.** K, Ca **B.** Zn, Ag **C.** Mg, Ag **D.** Cu, Ba

**Câu 19.** Trong các hợp chất sau hợp chất có trong tự nhiên dùng làm phân bón hoá học:

1. CaCO3 **B.** Ca3(PO4)2 **C.** Ca(OH)2 **D.** CaCl2

**Câu 20.**  Nhận định nào đúng:

A. Phân tử benzen có cấu tạo vòng 6 cạnh, với 6 liên kết đơn.

**B.** Phân tử benzen có cấu tạo vòng 6 cạnh, với 3 liên kết đơn xen kẽ 3 liên kết đôi.

**C.** Phân tử benzen có cấu tạo vòng 6 cạnh, với 3 liên kết đôi.

**D.** Phân tử benzen có cấu tạo vòng 6 cạnh, với 6 liên kết đơn xen kẽ 3 liên kết đôi.

**Câu 21.** Để phân biệt C6H6;  C2H5OH; CH3COOH ta dùng:

**A.** Na kim loại. **B.** dung dịch NaOH.

**C.** H2O và quỳ tím. **D.** H2O và phenolphtalein.

**Câu 22.** Dung dịch KOH phản ứng với dãy oxit:

**A.** CO2; SO2; P2O5; Fe2O3 **B.** Fe2O3; SO2; SO3; MgO

**C.** P2O5; CO2; Al2O3 ; SO3 **D.** P2O5 ; CO2; CuO; SO3

**Câu 23.** Thả một mảnh nhôm vào ống nghiệm chứa dung dịch CuSO4. Xảy ra hiện tượng:

1. Không có dấu hiệu phản ứng.
2. Có chất rắn màu trắng bám ngoài lá nhôm, màu xanh của dung dịch CuSO4 nhạt dần.
3. Có chất rắn màu đỏ bám ngoài lá nhôm, màu xanh của dung dịch CuSO4 nhạt dần.
4. Có chất khí bay ra, dung dịch không đổi màu

Y

X

Z

**Câu 24.**Cho sơ đồ sau:

Thứ tự các chất X, Y, Z trong sơ đồ bên phù hợp với dãy chất:

* 1. Cu(OH)2, CuO, CuCl2 **C.** CuO, Cu(OH)2, CuCl2
  2. Cu(NO3)2, CuCl2, Cu(OH)2 **D.** Cu(OH)2, CuCO3, CuCl2

**Câu 25.** Hóa chất dùng để loại bỏ khí etilen có lẫn trong khí metan là:

**A.** Dung dịch brom. **B.** Dung dịch phenolphtalein.

**C.** Dung dịch axit clohidric. **D.** Dung dịch nước vôi trong.

**Câu 26.** Hoà tan hỗn hợp gồm Fe và Cu vào dung dịch HCl (vừa đủ). Các sản phẩm thu được sau phản ứng là:

**A.** FeCl2 và khí H2 **B.** FeCl2, Cu và khí H2

**C.** Cu và khí H2 **D.** FeCl2 và Cu

**Câu 27.** Sắt tác dụng với khí clo ở nhiệt độ cao tạo thành:

**A.** Sắt(II) clorua. **B.** Sắt clorua.

**C.** Sắt(III) clorua. **D.** Sắt(II) clorua và sắt(III) clorua.

**Câu 28.** Dãy gồm các chất bị phân hủy bởi nhiệt là:

**A.** Na2CO3, MgCO3, Ca(HCO3)2, BaCO3. **B.** MgCO3, BaCO3, Ca(HCO3)2, NaHCO3.

**C.** K2CO3, KHCO3, MgCO3, Ca(HCO3)2.  **D.** NaHCO3, KHCO3, Na2CO3, K2CO3.

**Câu 29.** Cho dãy biến hóa sau: 

X, Y, Z lần lượt là:

**A.** Ca(OH)2; C2H2; C2H2Br4. **B.** C2H4; C2H2; C2H4Br2.

**C.** C2H2; C2H4; C2H4Br2. **D.** CH4; C2H4, C2H4Br2.

**Câu 30.** Rượu etylic tác dụng được với natri vì:

**A.** Trong phân tử có nguyên tử oxi.

**B.** Trong phân tử có nguyên tử hiđro và nguyên tử oxi.

**C.** Trong phân tử có nguyên tử cacbon, hiđro và nguyên tử oxi.

**D.** Trong phân tử có nhóm – OH.

**Câu 31.** Thể tích dung dịch HC1 0,5M vừa đủ để hoà tan hết 4,0g CuO là:

**A.** 100 ml  **B.** 50 ml **C.** 200 ml  **D.** 150 ml

**Câu 32.** Có một mẫu Fe bị lẫn tạp chất là nhôm, để làm sạch mẫu sắt này bằng cách ngâm nó với:

1. Dung dịch NaOH dư. **C.** Dung dịch H2SO4 loãng.
2. Dung dịch HCl dư. **D.** Dung dịch HNO3 loãng.

**Câu 33.** Cho vào dung dịch HCl một cây đinh sắt, sau một thời gian thu được 11,2 lít khí hiđrô (đktc ). Khối lượng sắt đã phản ứng là :

**A.** 28 gam **B.** 12,5 gam **C.** 8 gam **D.** 36 gam

**Câu 34.** Đốt cháy hoàn toàn 1,08 gam một kim loại hoá trị III trong khí clo. Sau phản ứng thu được 5,34 gam muối clorua. Kim loại đem đốt cháy là

**A.** Au. **B.** Al. **C.** Fe. **D.** Ga.

**Câu 35.** Đốt cháy hoàn toàn 14 gam khí etilen. Thể tích khí oxi cần dùng ở đktc và khối lượng khí CO2 sinh ra là

**A.** 33,6 lít; 44 gam. **B.** 22,4 lít; 33 gam.

**C.** 11,2 lít; 22 gam. **D.** 5,6 lít; 11 gam.

**Câu 36.** Đun 26,7 kg chất béo (C17H35COO)3C3H5 với dung dịch NaOH dư (hiệu suất 100%), khối lượng glixerol thu được là:

**A.** 1,2 kg. **B.** 2,76 kg. **C.** 3,6 kg. **D.** 4,8 kg.

**Câu 37.** Cho 23 gam rượu etylic vào dung dịch axit axetic dư. Khối lượng etyl axetat thu được là (biết hiệu suất phản ứng 30%):

**A.** 26,4 gam. **B.** 13,2 gam. **C.** 36,9 gam. **D.** 32,1 gam.

**Câu 38.**  Hòa tan 23,5 gam K2Ovào nước. Sau đó dùng 250ml dung dịch HCl để trung hòa dung dịch trên. Tính nồng độ mol HCl cần dùng.

**A.** 1,5M **B.** 2,0 M **C.** 2,5 M **D.** 3,0 M.

**Câu 39.** Ngâm một lá sắt có khối lượng 20g vào dung dịch bạc nitrat, sau một thời gian phản ứng nhấc lá kim loại ra làm khô cân nặng 23,2g. Lá kim loại sau phản ứng có:

**A.** 18,88g Fe và 4,32g Ag **B.** 1,880g Fe và 4,32g Ag

**C.** 15,68g Fe và 4,32g Ag **D.** 18,88g Fe và 3,42g Ag

**Câu 40.** Đốt cháy hoàn toàn 28 ml hỗn hợp khí metan và axetilen cần phải dùng 67,2 ml khí oxi (trong cùng điều kiện nhiệt độ và áp suất). Thể tích của mỗi chất khí trong hỗn hợp ban đầu lần lượt là:

**A.** 16,8 ml và 11,2 ml. **B.** 5,6 ml và 22,4 ml.

**C.** 22,4 ml và 5,6 ml. **D.** 11,2 ml và 16,8 ml.